TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:17 /2024 /QĐST-HNGĐ	*Y..., ngày 20 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện Y, Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Vũ Minh Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm 8, xã K, huyện Y, Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trịnh Thị T và anh Vũ Minh Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Vũ Tuấn A, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2015 và cháu Vũ Quỳnh N, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2017 cho anh Vũ Minh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu và chị Trịnh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho anh Vũ Minh Đ, mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Trịnh Thị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung. Về con riêng vợ chồng không ai có nên chị T, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày anh Vũ Minh Đ có đơn yêu cầu thi hành đối với số tiền chị Trịnh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về tài sản: Chị Trịnh Thị T và anh Vũ Minh Đ đều xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ. Do vậy nay ly hôn chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền: BLTU/23 số 0001595 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

<u>Nơi gửi</u>:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THADS huyện Y.
- UBND xã K.
- Đương sự**.**
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung